

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Mục tiêu và chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi các Khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1702/QĐ-ĐHNLBG ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Văn bản số 3281/BGDĐT-GDĐH ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015;

Căn cứ Công văn 2196/BGDDT-GDĐH, ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản Mục tiêu và chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: Kế toán, Khoa học cây trồng, Thú y, Quản lý đất đai và Công nghệ thực phẩm;

(có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng cho đào tạo sinh viên đại học chính quy từ khóa 10.

Các mục tiêu và chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định này là cơ sở để nhà trường tổ chức đào tạo, xây dựng và điều chỉnh các chương trình đào tạo; đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo; là cam kết về chất lượng đào tạo của nhà trường đối với xã hội.

Điều 3: Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị công tác có liên quan và các sinh viên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH, Cục KT&KĐCLGD (b/c);
- Như Điều 3 (t/h);
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT, KTHI, ĐT.



Nguyễn Quang Hà

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM
BẮC GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: Kế toán

Bậc đào tạo: Đại học; Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 630/QĐ-DHNLBG-ĐT, ngày 12 tháng 10 năm 2020
 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

1. Mục tiêu đào tạo (PG-program goals)

Mã hóa mục tiêu (PGx)	Mô tả nội dung
PG1	Đào tạo cử nhân kế toán có kiến thức cơ bản về chính trị, tự nhiên, xã hội, kinh tế cũng như những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, kế toán;
PG2	Có khả năng tổ chức công tác kế toán và điều hành hệ thống kế toán tại các đơn vị kế toán.
PG 3	Có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bồi sung kiến thức theo yêu cầu công việc;
PG4	Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt, có sức khỏe tốt, năng động và sáng tạo.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO-program learning outcomes)

Mã số CĐR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
	1	Chuẩn về kiến thức
	1.1	Kiến thức giáo dục đại cương
CĐR1	1.1.1	Áp dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.
CĐR2	1.1.2	Áp dụng được những kiến thức cơ bản khoa học xã hội và khoa học tự nhiên vào lĩnh vực tài chính, kế toán.
CĐR3	1.1.3	Đạt năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (ban hành kèm

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
		theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
CDR4	1.1.4	Sử dụng được máy tính, công nghệ thông tin, tin học văn phòng, Internet cơ bản để phục vụ học tập, nghiên cứu và thi đạt chứng chỉ ứng dụng Công Nghệ Thông Tin cơ bản (theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ TTTT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
	1.2	Kiến thức cơ sở khối ngành
CDR5	1.2.1	Áp dụng đúng các qui luật, nguyên tắc trong quản trị, qui định của pháp luật kinh tế, nguyên tắc kế toán làm cơ sở cho tổ chức công tác kế toán.
CDR6	1.2.2	Phân tích các thông tin cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ làm căn cứ cho việc kiểm tra các hoạt động tài chính, kế toán và phục vụ cho nhà quản trị ra quyết định .
	1.3	Kiến thức ngành
CDR7	1.3.1	Áp dụng các qui định của chế độ kế toán; luật thuế; pháp luật kế toán; các thông tư; nghị định và chuẩn mực kế toán kiểm toán để tổ chức công tác kế toán và kiểm toán tài chính tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính, sự nghiệp.
CDR8	1.3.2	Áp dụng các phương pháp phân tích tài chính, thống kê, nghiên cứu kinh tế, quản trị doanh nghiệp phục vụ cho nhà quản trị ra quyết định sản xuất, kinh doanh.
	2	Chuẩn về kỹ năng
	2.1	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp
CDR9	2.1.1	Vận dụng tư duy trong phân tích kinh tế tài chính, phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề về kế toán tài chính;
CDR10	2.1.2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng xử lý lập chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán tài chính, quản trị
CDR11	2.1.3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hạch toán kế toán, quản lý tài chính trong đơn vị kinh tế để xử lý hiệu quả các vấn đề thực tiễn

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
CDR12	2.1.4	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành để thực hiện việc kiểm tra, kiểm toán trong đơn vị kế toán, tư vấn các lĩnh vực về thuế, tài chính kế toán
CDR13	2.1.5	Vận dụng các kiến thức của quản trị, thống kê để đưa ra các quyết định tối ưu cho hoạt động kinh tế, tài chính, kế toán.
	2.2	Kỹ năng giao tiếp ứng xử
CDR14	2.2.1	Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả và có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và đàm phán. Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả.
	3	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp
	3.1	Năng lực tự chủ
CDR15	3.1.1	Tuân thủ pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, tài chính, có thái độ làm việc nghiêm túc; có ý thức trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.
	3.2	Trách nhiệm nghề nghiệp
CDR16	3.2.1	Xác định được các cơ hội nghề nghiệp trong tương lai, có khả năng cập nhật kiến thức mới, sáng tạo trong công việc và học tập suốt đời.

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM
BẮC GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: Khoa học cây trồng

Bậc đào tạo: Đại học; Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 630/QĐ-ĐHNLBG-ĐT, ngày 12 tháng 10 năm 2020
 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

1. Mục tiêu đào tạo (PG-program goals)

Mã hóa mục tiêu (PGx)	Mô tả nội dung
PG1	Người học có được những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, có khả năng sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng và khả năng giao tiếp bằng Anh ngữ thông thường trong lĩnh vực khoa học cây trồng.
PG2	Đào tạo kỹ sư ngành Khoa học cây trồng trình độ đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực thực hành, tận tụy với nghề nghiệp, có khả năng tiếp tục phát triển trong chuyên môn và ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực và kinh tế của đất nước
PG3	Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Khoa học cây trồng có kiến thức tổ chức sản xuất bao gồm kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, biết nhận diện, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng; Quản lý dinh dưỡng, đất trồng, điều khiển ra hoa, đậu quả và bảo quản sau thu hoạch tạo ra các sản phẩm trồng trọt có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, có sức cạnh tranh trong phát triển nông nghiệp bền vững.
PG4	Có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, doanh nghiệp hoặc tự lập doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ trong lĩnh vực trồng trọt.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO-program learning outcomes)

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
	1.	Chuẩn về kiến thức
	1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương
CDR1	1.1.1	Áp dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng CSVN và pháp luật Việt Nam vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Có kiến thức cơ bản về an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất.
CDR2	1.1.2	Áp dụng được những kiến thức cơ bản khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để phù hợp với chuyên ngành khoa học cây trồng
CDR3	1.1.3	Đạt năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
CDR4	1.1.4	Sử dụng được máy tính, công nghệ thông tin, tin học văn phòng, Internet cơ bản để phục vụ học tập, nghiên cứu và thi đạt chứng chỉ ứng dụng Công Nghệ Thông Tin cơ bản (theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ TTTT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
	1.2.	Kiến thức cơ sở khối ngành
CDR5	1.2.1	Phân tích và áp dụng kiến thức cơ sở như hóa sinh, sinh lý, di truyền và ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và sản xuất giống cây trồng.
CDR6	1.2.2	Áp dụng kiến thức sinh thái môi trường, vi sinh vật, bảo vệ thực vật trong quản lý cây trồng tổng hợp để sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.
	1.3.	Kiến thức ngành
CDR 7	1.3.1	Giải thích được đặc điểm sinh trưởng phát triển của cây trồng, ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến cây trồng; Vận dụng được quy trình sản xuất các loại cây trồng nông nghiệp chính theo phương thức truyền thống và công nghệ cao.
CDR 8	1.3.2	Áp dụng được các kiến thức trong tổ chức, quản lý sản xuất; chuyển

Mã số CĐR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
		giao công nghệ; Nghiên cứu khoa học và các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực trồng trọt;
	2.	Chuẩn về kỹ năng
	2.1.	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp (kỹ năng cứng)
CDR 9	2.1.1	Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn liên quan đến thực tiễn sản xuất cây trồng (đất, giống, phân bón, nước tưới).
CDR 10	2.1.2	Giải thích, đánh giá tình trạng sinh trưởng phát triển của cây trồng, đề xuất và thực hiện được các biện pháp thâm canh, điều khiển sinh trưởng nhằm tăng năng suất và phẩm chất của cây trồng.
CDR 11	2.1.3	Sử dụng được một số thiết bị, máy móc chuyên dùng trong lĩnh vực trồng trọt. Ứng dụng linh hoạt các tiến bộ công nghệ và các biện pháp kỹ thuật mới trong sản xuất cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái
CDR 12	2.1.4	Nhận diện, đề xuất các biện pháp định được biện pháp quản lý sâu bệnh hại cây trồng phù hợp đồng thời bảo vệ môi trường.
CDR 13	2.1.5	Đề xuất, triển khai, thực hiện và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực trồng trọt vào thực tiễn. Xây dựng đề cương nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu, viết và báo cáo kết quả nghiên cứu
	2.2.	Kỹ năng giao tiếp ứng xử (Kỹ năng mềm)
CDR 14	2.2.1	Thực hiện được các kỹ năng mềm: tự học, nghiên cứu, làm việc nhóm, giao tiếp, lập kế hoạch, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực trồng trọt.
	3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp
	3.1.	Năng lực tự chủ
CDR 15	3.1.1	Có năng lực lập kế hoạch, quản lý, tổ chức các hoạt động khoa học cây trồng ở quy mô trung bình.
	3.2.	Trách nhiệm nghề nghiệp
CDR 16	3.2.1	Thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn quy định về sản phẩm an toàn và sản xuất an toàn trong lĩnh vực trồng trọt đồng thời bảo vệ môi trường.



CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: Thú y

Bậc đào tạo: Đại học; Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 630/QĐ-DHNLBG-ĐT, ngày 12 tháng 10 năm 2020
 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

1. Mục tiêu đào (PG - program goals)

Mã hóa mục tiêu (PGx)	Mô tả nội dung
PG1	Vận dụng tốt những kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực thú y.
PG2	Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực Thú y.
PG3	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có kỹ năng giao tiếp tốt, tư duy sáng tạo, thích ứng với công việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực Thú y.
PG4	Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe và năng lực học tập suốt đời, bồi dưỡng nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO – program learning outcomes)

Mã số CĐR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
	1	Chuẩn về kiến thức
	1.1	Kiến thức giáo dục đại cương
CĐR1	1.1.1	Áp dụng những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.
CĐR2	1.1.2	Áp dụng được những kiến thức cơ bản khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để phù hợp với chuyên ngành thú y.
CĐR3	1.1.3	Đạt năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (ban

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
		hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
CDR 4	1.1.4	Sử dụng được máy tính, công nghệ thông tin, tin học văn phòng, Internet cơ bản để phục vụ học tập, nghiên cứu và thi đạt chứng chỉ ứng dụng Công Nghệ Thông Tin cơ bản (theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ TTTT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
	1.2	Kiến thức cơ sở khối ngành
CDR5	1.2.1	Giải thích được các kiến thức cơ sở ngành trong việc tổ chức chăm sóc và bảo vệ sức khỏe động vật, đồng thời vận dụng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.
CDR 6	1.2.2	Phân tích được những kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học để đề xuất và thực hiện đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngành
	1.3	Kiến thức ngành
CDR 7	1.3.1	Phân tích được những kiến thức chuyên ngành, các công nghệ tiên tiến trong chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho động vật.
CDR 8	1.3.2	Giải thích được các kiến thức về marketing và kinh doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thú y.
	2	Chuẩn về kỹ năng
	2.1	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp
CDR 9	2.1.1	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chẩn đoán lâm sàng, lấy mẫu bệnh phẩm, kiểm tra vệ sinh thú y và kiểm soát giết mổ.
CDR 10	2.1.2	Sử dụng thành thạo các trang thiết bị hiện đại, làm chủ các kỹ thuật chẩn đoán phi lâm sàng, ứng dụng được một số phương pháp hiện đại trong phòng, trị và kiểm soát dịch bệnh cho động vật.
CDR 11	2.1.3	Thành thạo việc kê đơn, lựa chọn, sử dụng vắc xin, thuốc, hóa dược để phòng và điều trị bệnh cho động vật.
CDR 12	2.1.4	Tư vấn kỹ thuật, công nghệ và kinh doanh trong lĩnh vực Thú y theo định hướng mang lại hiệu quả kinh tế.

Mã số CĐR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
	2.2	Kỹ năng ứng xử
CĐR 13	2.2.1	Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, đàm phán. Có thể làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả.
	3	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp
	3.1	Năng lực tự chủ
CĐR 14	3.1.1	Có thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ luật pháp, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp.
CĐR 15	3.1.2	Định hướng tương lai rõ ràng, có tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời.
	3.2	Trách nhiệm nghề nghiệp
CĐR 16	3.1.1	Có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người và thực hiện tốt quyền lợi động vật.

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM
 BẮC GIANG**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: Quản lý đất đai

Bậc đào tạo: Đại học; Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 630/QĐ-ĐHNLBG-ĐT, ngày 12 tháng 10 năm 2020
 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

1. Mục tiêu đào tạo (PG-program goals)

Mã hóa mục tiêu (PGx)	Mô tả nội dung
PG1	Đào tạo cử nhân Quản lý đất đai có kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai.
PG2	Có kỹ năng và trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực Quản lý đất đai
PG3	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có khả năng thích ứng với công việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực Quản lý đất đai.
PG4	Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để tự nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO-program learning outcomes)

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
	1.	Chuẩn về kiến thức
	1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương
CDR1	1.1.1.	Áp dụng những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.
CDR2	1.1.2.	Áp dụng được những kiến thức cơ bản khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để phù hợp với lĩnh vực quản lý và sử dụng đất.
CDR3	1.1.3.	Đạt năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (ban hành kèm

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
		theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDDT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
CDR4	1.1.4.	Sử dụng được máy tính, công nghệ thông tin, tin học văn phòng, Internet cơ bản để phục vụ học tập, nghiên cứu và thi đạt chứng chỉ ứng dụng Công Nghệ Thông Tin cơ bản (theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ TTTT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
	1.2.	Kiến thức cơ sở khối ngành
CDR5	1.2.1.	Áp dụng kiến thức về tài nguyên, khí hậu, thủy văn trong quy hoạch, quản lý và sử dụng đất đai
CDR6	1.2.2.	Áp dụng kiến thức về trắc địa - bản đồ để thành lập các bản đồ chuyên đề phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai.
	1.3.	Kiến thức ngành
CDR7	1.3.1.	Áp dụng kiến thức về pháp luật và chính sách đất đai phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai.
CDR8	1.3.2	Áp dụng công nghệ tiên tiến để xây dựng hệ thống thông tin địa lý và hệ thống thông tin đất phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai.
	2.	Chuẩn về kỹ năng
	2.1.	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp (kỹ năng cứng)
CDR9	2.1.1.	Sử dụng thành thạo các loại thiết bị đo đạc hiện đại và phần mềm chuyên ngành để thành lập các loại bản đồ phục vụ công tác Quản lý đất đai.
CDR10	2.1.2.	Xây dựng được các loại hình quy hoạch phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai.
CDR11	2.1.3.	Thực hiện thành thạo công tác kê khai, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
CDR12	2.1.4.	Xác định được giá đất và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ công tác quản lý tài chính về đất đai và kinh doanh bất động sản.

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
CDR13	2.1.5	Giải quyết được các vấn đề về giao đất, thu hồi đất, các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai theo quy định của pháp luật.
	2.2.	Kỹ năng giao tiếp ứng xử (Kỹ năng mềm)
CDR14	2.2.1	Tận tụy với công việc, văn minh và lịch sự trong giao tiếp và ứng xử; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.
	3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp
	3.1	Năng lực tự chủ
CDR15	3.1.1.	Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, có khả năng tự ra quyết định, tự chịu trách nhiệm.
	3.2	Trách nhiệm nghề nghiệp
CDR16	3.2.1	Có phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật; có thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp.



CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: Công nghệ thực phẩm

Bậc đào tạo: Đại học; Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 630 /QĐ-DHNLBG-ĐT, ngày 12 tháng 10 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

1. Mục tiêu đào tạo (PG-program goals)

Mã hóa mục tiêu (PGx)	Mô tả nội dung
PG1	Áp dụng kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành để giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực Công nghệ Thực phẩm
PG2	Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo trong lĩnh vực Công nghệ Thực phẩm
PG3	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có khả năng thích ứng với công việc tại các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực Công nghệ Thực phẩm
PG4	Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe và năng lực học tập suốt đời, bồi dưỡng nâng cao trình độ

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO-program learning outcomes)

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
	1.	Chuẩn về kiến thức
	1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương
CDR1	1.1.1	Áp dụng những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn
CDR2	1.1.2	Áp dụng được những kiến thức cơ bản khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để phù hợp với yêu cầu của công việc bảo quản và chế biến thực phẩm
CDR3	1.1.3	Đạt năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) tối thiểu bậc 3/6, Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (ban hành kèm

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
		theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
CDR4	1.1.4	Sử dụng được máy tính, công nghệ thông tin, tin học văn phòng, Internet cơ bản để phục vụ học tập, nghiên cứu và thi đạt chứng chỉ ứng dụng Công Nghệ Thông Tin cơ bản (theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ TTTT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
	1.2.	Kiến thức cơ sở khối ngành
CDR5	1.2.1	Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực Công nghệ Thực phẩm
	1.3.	Kiến thức ngành
CDR6	1.3.1	Áp dụng các kiến thức chuyên ngành vào lĩnh vực Công nghệ thực phẩm
CDR7	1.3.2	Áp dụng các kiến thức quản lý trong lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong sản xuất thực phẩm
	2.	Chuẩn về kỹ năng
	2.1.	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp
CDR8	2.1.1	Vận hành được dây chuyền sản xuất trong các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm;
CDR9	2.1.2	Phát hiện và xử lý được các vấn đề liên quan đến công nghệ thực phẩm
CDR10	2.1.3	Thành lập, tư vấn, đầu tư và lãnh đạo các cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến lĩnh vực thực phẩm
CDR11	2.1.4	Thực hiện được các thao tác trong lấy mẫu, kiểm tra đánh giá chất lượng bán sản phẩm, sản phẩm thực phẩm
	2.2.	Kỹ năng giao tiếp ứng xử
CDR12	2.2.1	Xây dựng kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; hình thành, tổ chức và phát triển nhóm
CDR13	2.2.2	Thực hành kỹ năng trình bày, giao tiếp, truyền đạt thông tin, thích nghi với môi trường làm việc.

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
	3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp
	3.1.	Năng lực tự chủ
CDR14	3.1.1	Yêu cầu có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt, tự chịu trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật.
CDR15	3.1.2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định
	3.2.	Trách nhiệm nghề nghiệp
CDR16	3.2.1	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.